



# K T Q U R À S O Á T Q U Y H O C H 3 L O I R N G T N H T H A T H I Ê N H U (Theo tiêu chí m i)

n v t h c h i n: P h â n v i n i u t r a q u y h o c h r ñ g T r u n g T r u n g B

H u , t h á n g 1 1 n ă m 2 0 0 6





## T V N

- Thực hiện chỉ thị số 38/2005/CT-TTg, ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát quy hoạch 1/3 lợi rừng.
- UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện rà soát quy hoạch 1/3 lợi rừng trên địa bàn tỉnh.





# M C TIÊU, N I DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT QUY HO CH 3 LO I R NG

## I. M C TIÊU

- Rà soát xác nh rõ di n tích 3 lo i r ng theo Ch th s 38/2005/CT-TTg.
- Xác nh ranh gi i, di n tích 3 lo i r ng trên b n và th c a làm c s cho vi c óng m c ranh gi i 3 lo i r ng ngoài th c a.
- xu t m t s gi i pháp qu n lý, xây d ng, phát tri n 3 lo i r ng trên a bàn t nh giai o n 2006 - 2010.





## II. NỘI DUNG

### 1. Xây dựng bản phân cấp phòng hộ lý thuyết

- Xây dựng bản phân cấp phòng hộ lý thuyết trên cơ sở chia ng x p các loại bản đơn tính: Làng m a, đ c, đ cao, t.
- rà soát kết quả phân cấp phòng hộ đ n n v kho nh.





## 2. Rà soát quy hoạch 3 loại rừng ( D, PH, SX)

### 2.1. Rà soát quy hoạch rừng cảnh quan

- Đánh giá tài nguyên rừng.
- Xác định vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ
- Xác định quy mô và diện tích
- Quy hoạch hệ thống rừng cảnh quan nhằm bảo vệ tính đa dạng sinh học cao





## *2.2. Rà soát quy hoạch rừng phòng hộ*

- Rà soát lại ranh giới, diện tích, chức năng các khu rừng hiện có.
- Khảo sát thực địa ưu tiên ranh giới các công trình phòng hộ
- Xác định quy mô diện tích rừng phòng hộ đến năm 2010.





### ***2.3. Rà soát quy hoạch rừng sản xuất***

- Rà soát lập kế hoạch phân vùng chức năng, diện tích theo các mục tiêu kinh doanh năm 2010.
- Đánh giá các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

### **3. Xây dựng chương trình án quy hoạch**

Tăng cường sự liên kết

Xây dựng báo cáo.

Xây dựng các loại bản đồ thành quả.





### III. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG

#### 1. Rừng đặc dụng

Áp dụng các tiêu chí phân loại rừng đặc dụng theo Quyết định 62/2005/QĐ-BNN

##### 1.1. Vườn Quốc gia:

Tiêu chí phân loại (gồm 4 tiêu chí)

- Tiêu chí 1: Khu vực bảo tồn nghiêm ngặt hay nghiêm ngặt để đi n cho các vùng sinh thái chủ yếu, có các loài sinh vật, các hình thức đa dạng có giá trị đặc biệt về khoa học, giáo dục, tinh thần, giải trí hay phục hồi sức khỏe cộng đồng hoặc/và quốc tế.





- Tiêu chí 2: Mỗi Vùn qu c gia ph i có ít nh t 2 loài sinh v t c h u ho c trên 10 loài ghi trong sách Vi t Nam.
- Tiêu chí 3: Di n tích c a Vùn qu c gia c n r ng duy trì s b n v ng v m t sinh thái h c, di n tích t i thi u trên 7.000 ha (VQG trên t li n), trên 5.000 ha (VQG trên bi n), và trên 3.000 ha (VQG đ t ng p n c), trong ó còn ít nh t 70% di n tích là các h sinh thái t nhiên có giá tr đa d ng sinh h c cao.
- Tiêu chí 4: T l di n tích t nông nghi p và đ t th cư so v i di n tích Vùn qu c gia ph i nh hơn 5%.





## 1.2. Khu d tr thiên nhiên và Khu b o t n loài - sinh c nh

### 1.2.1. Khu d tr thiên nhiên

\* Tiêu chí phân lo i (g m 4 tiêu chí):

- Tiêu chí 1: Khu v c ph i có các loài sinh v t, môi tr ãng s ãng và c nh quan thiên nhiên có giá tr đ c bi t v khoa h c, giáo d c, tinh th n, vui ch i gi i trí hay ph c h i s c kho .
- Tiêu chí 2: Ph i có ít nh t 1 loài sinh v t c h u ho c trên 5 loài c ghi trong sách Vi t Nam.





-Tiêu chí 3: Diện tích tối thiểu của Khu dự trữ thiên nhiên là 5.000 ha (trên đất liền), 3.000 ha (trên biển), 1.000 ha (đồng ngập nước). Trong khu dự trữ thiên nhiên, diện tích các hệ sinh thái thiên nhiên có tính đa dạng sinh học cao phải chiếm ít nhất 70%.

- Tiêu chí 4: Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp và đất thổ cư so với diện tích Khu dự trữ thiên nhiên phải nhỏ hơn 5%.





### 1.2.2. Khu bảo tồn loài - sinh cảnh

\* Tiêu chí phân loại (gồm 4 tiêu chí)

- Tiêu chí 1: Các khu vực là sinh cảnh quan trọng (khu trú ẩn, kiếm thức ăn, sinh sản), có ý nghĩa đa văn hóa và phát triển của loài sinh vật có tầm quan trọng gia hay địa phương.
- Tiêu chí 2: Phải có ít nhất 1 loài sinh vật thuộc họ có trên 3 loài có ghi trong sách Đỏ Việt Nam.





- Tiêu chí 3: Diện tích thu được vào yếu tố sinh cảnh của loài sinh vật cần bảo vệ, như ít nhất là 1.000 ha, trong đó các hình sinh thái tự nhiên chiếm hơn 70% tổng diện tích khu bảo tồn.
- Tiêu chí 4: Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp và đất thổ cư số vùng diện tích Khu bảo tồn phải nhỏ hơn 10%.





1.3. Khu bảo vệ cảnh quan: gồm Khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh.

\* Tiêu chí phân loại: (gồm 3 tiêu chí)

- Tiêu chí 1: Có cảnh Quan di tích lịch sử trên đất liền hoặc có hình ảnh nổi bật, bên cạnh giá trị văn hoá, lịch sử, thẩm mỹ cao, sinh cảnh đa dạng, với các loài sinh vật quý hiếm, có các phương thức sử dụng tài nguyên, tổ chức xã hội, phong tục, tập quán, cách sống và tín ngưỡng.

- Tiêu chí 2: Khu rừng do công quản lý, bảo vệ theo phong tục, tập quán, có truyền thống gắn bó với công nghệ văn hoá và tín ngưỡng.

- Tiêu chí 3: Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp và đất khác so với diện tích khu bảo vệ cảnh quan nhỏ hơn 10%.





Tất cả các tiêu chí trên kết hợp với việc kết nối các dự án quy hoạch rừng đã có trên địa bàn như: VQG Bạch Mã, KBTTN Tây Phong kiến, tài liệu ưu tiên đánh giá ĐDSH của dự án Hành lang xanh - Chiếm lĩnh lâm địa Thiên Hộ để phân tích tình hình sản xuất, đi chi và việc các tiêu chí quy định đó để xuất quy hoạch các khu rừng cần.





## 2. R ng Phòng h

### 2.1. Xây d ng b n phân c p phòng h đ u ngu n

Xây d ng b n phân c p phòng h theo các tiêu chí đã đư c quy nh t i Quy t nh 61/2005/Q -BNN .

S d ng ph n m m Acrview, Mapinfo đ xây d ng và các lo i b n n tính và biên t p b n .

- Ch ng x p các lo i b n đ n tính xây d ng b n phân c p phòng h lý thuy t.

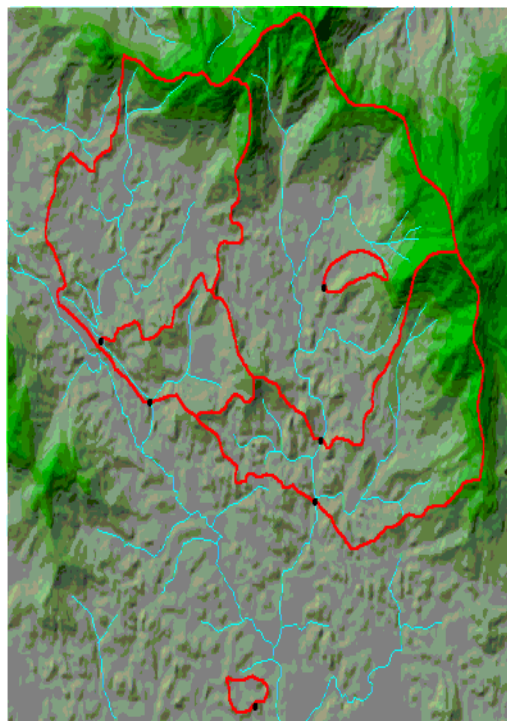
#### 2.2.1. Tiêu chí phân c p r ng phòng h đ u ngu n

Áp d ng 5 tiêu chí cơ b n: tiêu chí lư ng m a, d c, đ cao, t và quy mô v di n tích.





## Bản đồ lượng mưa

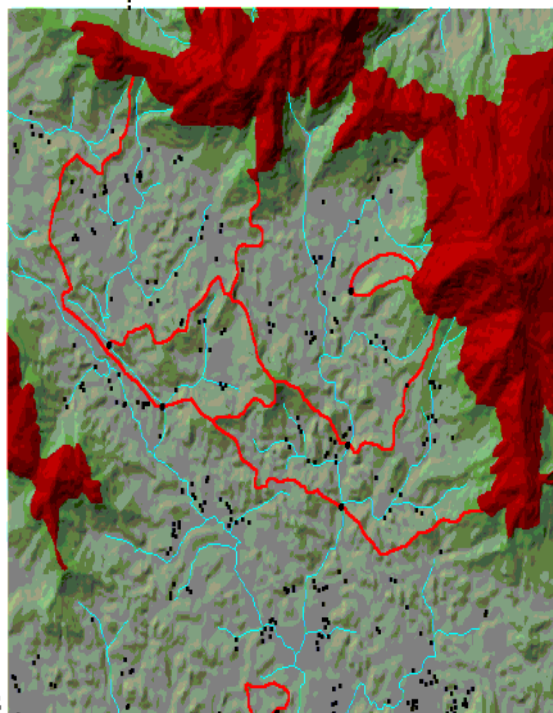


- **<2700 mm/năm: xếp cấp ít nguy hại, tính 2 điểm**
- **Lượng mưa 2.700 - 3200mm/năm, xếp cấp nguy hại, tính 4 điểm**
- **Lượng mưa >3.300mm/năm, xếp cấp rất nguy hại, tính 6 điểm**





## Bản đồ đai cao



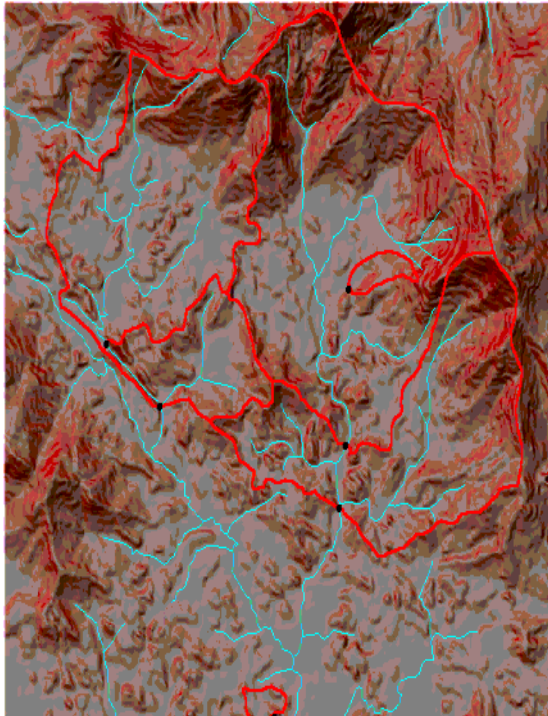
### Cho điểm theo tiêu chí:

- Độ cao < 600 m xếp cấp ít nguy hại, tương ứng điểm 1
- Độ cao 601-1200 m, xếp cấp nguy hại, tương ứng 2 điểm,
- Độ cao > 1200 m, xếp cấp rất nguy hại, tương ứng 3 điểm





## Bản đồ địa hình



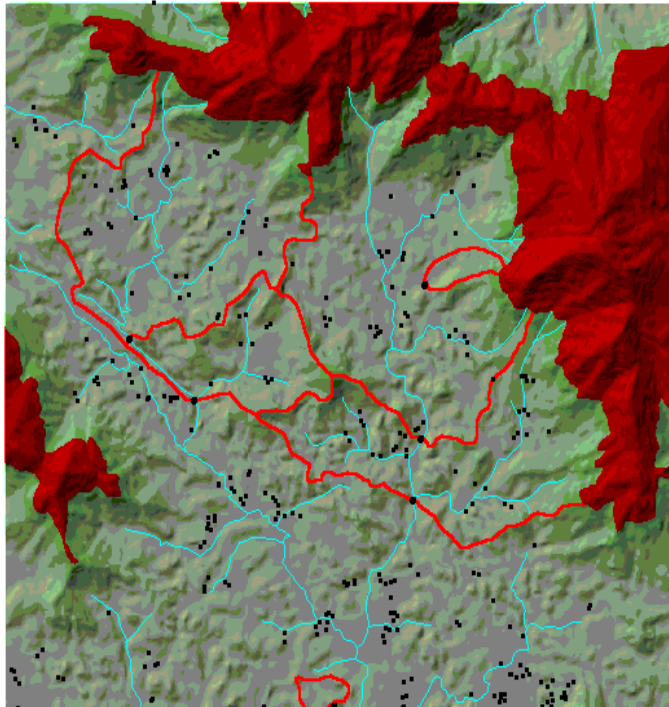
- **Cho điểm theo tiêu chí:**
- **Độ dốc dưới 26 độ:** xếp mức ít nguy hại, tính 2 điểm
- **Độ dốc dưới 26 -35 độ:** xếp mức nguy hại, tính 4 điểm
- **Độ dốc trên 35 độ:** xếp mức rất nguy hại, tính 6 điểm





## Bản đồ Đất

(Thành phần cơ giới và độ dày tầng đất)



### Cho điểm theo tiêu chí:

Độ dày tầng đất <80cm với đất cát, < 30cm với đất thịt: 3 điểm, xếp cấp rất nguy hại

Độ dày tầng đất >80cm với đất cát, 30-80cm với đất thịt: 2 điểm, xếp cấp nguy hại

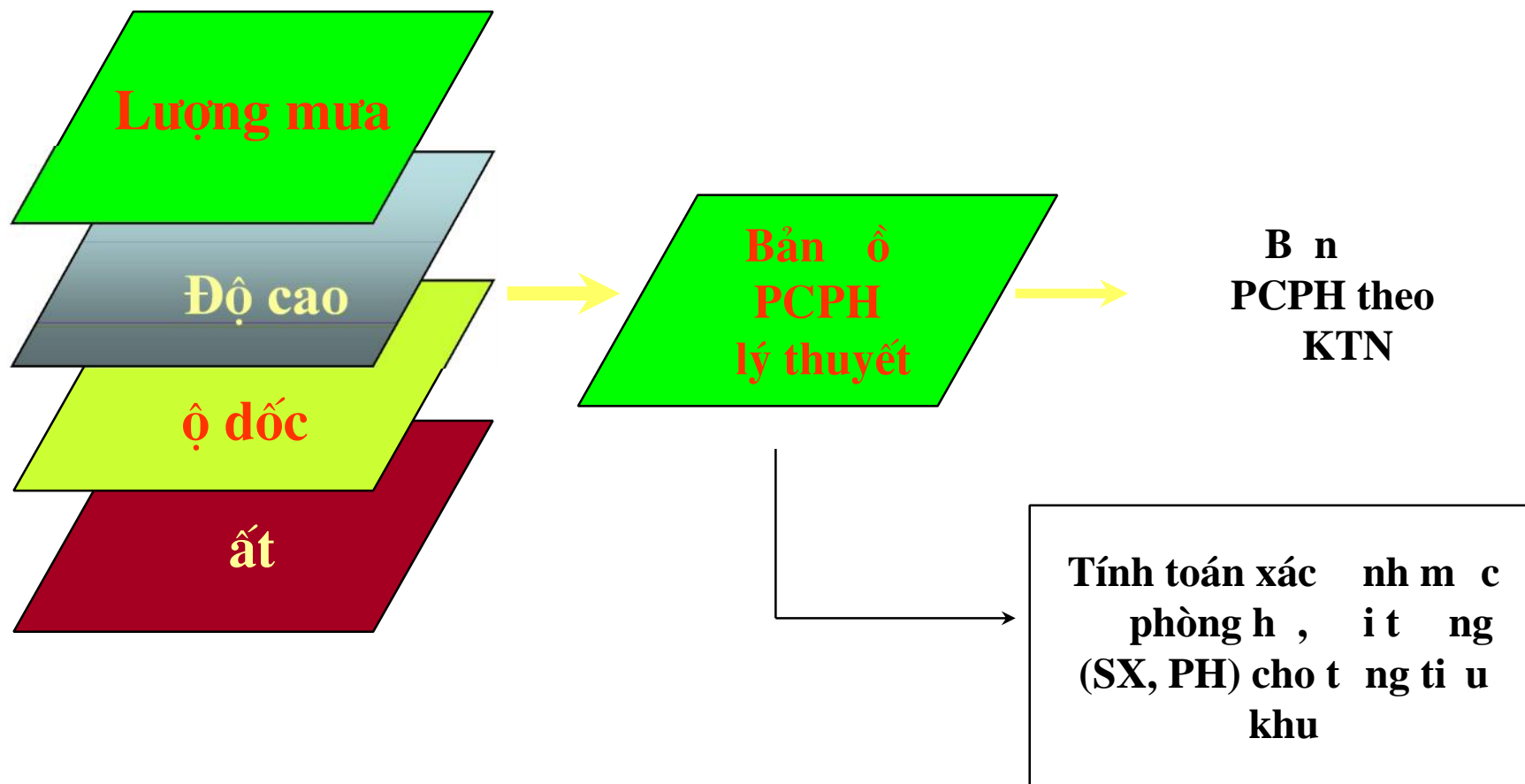
Độ dày tầng đất >30cm với đất sét, > 80cm đất thịt: 1 điểm, xếp cấp ít nguy hại





# Chồng xếp các loại bản đồ

[www.panda.org/greatermekong](http://www.panda.org/greatermekong)





## PH N TH HAI K T QU RÀ SOÁT QH 3 LO I R NG

T ng di n tích t lâm nghi p: 290.008,9 ha.

Trong ó:

- DT r ng và đ t r ng D: 68.033,0 ha (23,4% DTLN)
- DT r ng và đ t r ng PH: 89.495,1 ha ( 30,9% DTLN)
- DT r ng và đ t r ng SX: 132.480,8ha (45,7% DTLN )





[www.panda.org/greatermekong](http://www.panda.org/greatermekong)

**Xin chân thành cảm ơn  
quý vị vì sự ủng hộ của quý vị!**

